TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 80/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"* của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2026/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 002xxxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 02/5/2021; địa chỉ: Số 05, ngõ 98 đường Lý T, tổ 15 Trần P, phường H 2, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1987; căn cước công dân số: 002xxxxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; Số 05, ngõ 98 đường Lý T, tổ 15 Trần P, phường H 2, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Văn V** nhất trí thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận, giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 18/7/2022, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc A đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 18/7/2022, cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu Nguyễn Đức A đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Tài sản chung: Các đương sự xác nhận quá trình chung sống có tạo dựng được tài sản chung nhưng chị T và anh V đã thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn V, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 18/7/2022, cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 18/7/2022, cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về các vấn đề khác*. Không có.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng, chị Thúy đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, theo biên lai thu số 0000539, ngày 19/3/2026 và biên lai thu số 0000588, ngày 25/3/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Tân Quang, t. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vương Thị Thu Hà